

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về đầu tư xây dựng công trình đường
giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư 03/2009/TT-BXD ngày 26/03/2009 của Bộ xây dựng quy định chi tiết một số nội dung nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 6/02/2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13/04/2011 của Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính về Hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020;

Căn cứ Nghị Quyết số 11 /2013/NQ-HĐND ngày 12 /7 /2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai khóa XIV-Kỳ họp thứ 8 về Chính sách đầu tư xây dựng đường Giao thông nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 87/TTr-SGTVT ngày 17/7/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này bản Quy định về đầu tư xây dựng công trình đường giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Giám đốc Sở Giao thông vận tải chủ trì phối hợp với Giám đốc các sở: Kế hoạch & Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và PTNT, và các sở, ngành có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện.

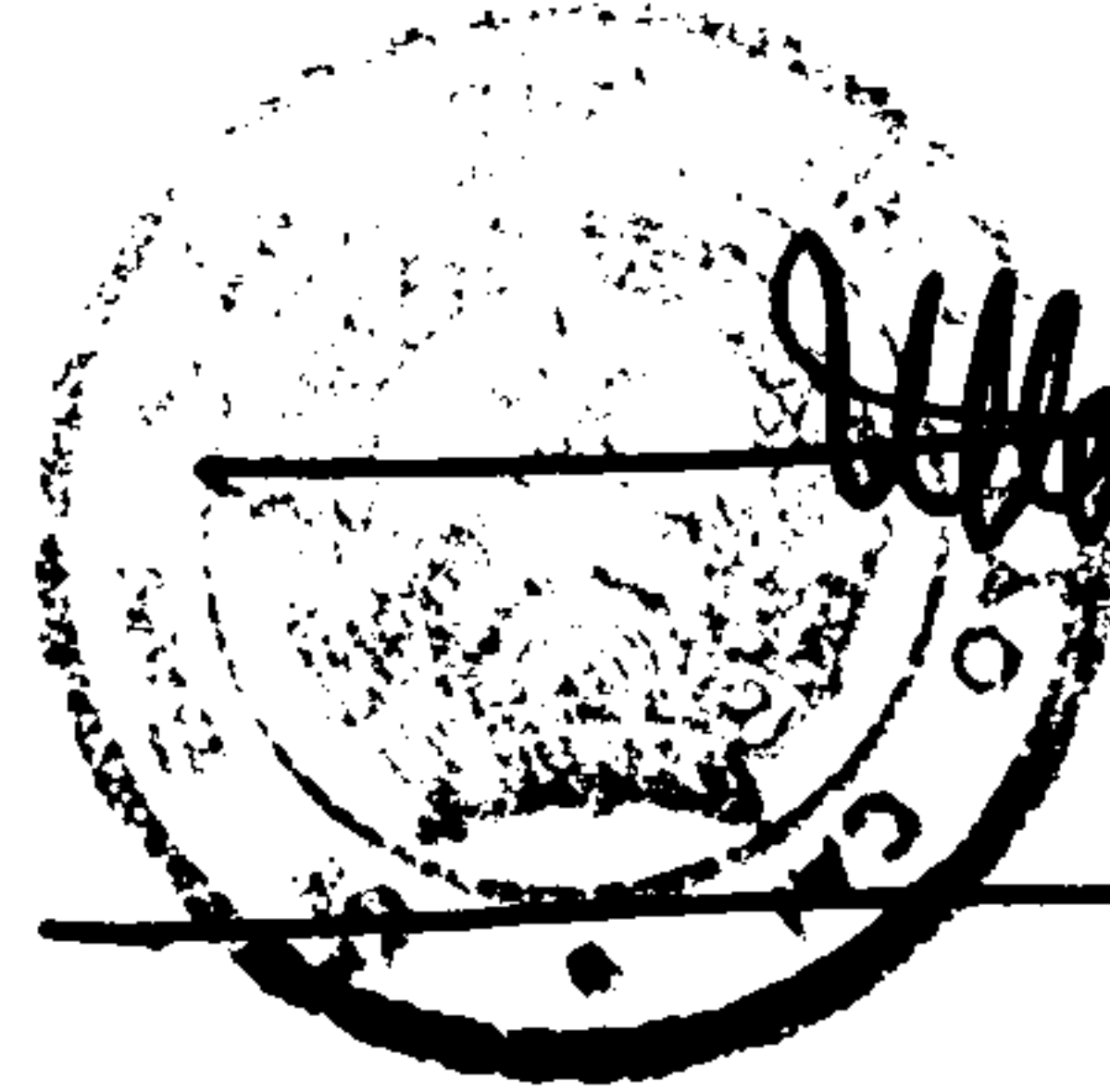
Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn, các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 69/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh Lào Cai ban hành Quy định về đầu tư xây dựng công trình đường Giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh Lào Cai./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 QĐ;
- Văn phòng Chính phủ;
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Bộ Giao thông vận tải;
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Đoàn Đại biểu QHH tỉnh Lào Cai;
- TT: HU, UBND các huyện, thành phố;
- Các sở, ban, ngành;
- Công báo Lào Cai; Báo Lào Cai;
- Lưu VT, TH, QLĐT, các CV.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Vịnh

Lào Cai, ngày tháng 7 năm 2013.

QUY ĐỊNH

Về đầu tư xây dựng đường Giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh Lào Cai
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 28 /2013/QĐ-UBND ngày 30 /7/2013
của UBND tỉnh Lào Cai)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này áp dụng để đầu tư xây dựng mở mới và nâng cấp đường giao thông nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Lào cai (đường giao thông nông thôn trong quy định này gồm các loại đường: đường từ xã tới các thôn bản hoặc đường nối liền các thôn, bản; đường trục thôn xóm; đường trục chính nội đồng; đường ngõ, xóm).

2. Đối tượng áp dụng: Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân trong và ngoài nước có liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng mở mới và nâng cấp đường Giao thông nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Lào cai.

Chương II QUY MÔ, TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT XÂY DỰNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN

Điều 2. Quy mô, tiêu chuẩn kỹ thuật xây dựng đường Giao thông nông thôn

Quy mô, tiêu chuẩn kỹ thuật xây dựng các tuyến đường giao thông nông thôn thực hiện theo hướng dẫn tại Quyết định số 315/QĐ-BGTVT ngày 23/02 /2011 của Bộ GTVT "Ban hành hướng dẫn lựa chọn qui mô kỹ thuật đường giao thông nông thôn phục vụ chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020" và thực hiện một số nội dung chủ yếu sau:

1. Đường mở mới

a) Đường từ xã tới các thôn, bản; đường nối liền các thôn, bản theo quy mô đường cấp A hoặc cấp B có chiều rộng nền đường tối thiểu 4,0m (không kể rãnh dọc); độ dốc dọc tối đa 13%. Những vị trí nhiều đá có vách ta luy cao hơn 5m, chiều rộng nền đường tối thiểu là 3,5m, rãnh dọc có dạng tam giác với chiều sâu tối thiểu là 30cm.

b) Đường trục thôn xóm, đường trục chính nội đồng theo quy mô đường

cấp B hoặc cấp C chiều rộng nền đường tối thiểu là 3,0m.

c) Đường ngõ, xóm xây dựng theo quy mô đường cấp C, có chiều rộng nền đường tối thiểu 3,0m.

d) Hướng tuyến: Điểm đầu các tuyến đường phải nối với đường bộ đã có. Điểm cuối đến các thôn, bản, các gia đình hoặc nối vào tuyến đường bộ khác.

2. Đường nâng cấp (mặt đường bê tông xi măng hoặc láng nhựa):

a) Đường cấp A, B:

- Móng đường: Tùy theo tình hình địa chất nền đường, để thiết kế lớp móng cấp phối, đá dăm, móng cát, móng cát gia cố xi măng. Lớp móng đảm bảo độ chặt có chiều dày đã lu lèn tối thiểu là 12cm.

- Mặt đường bê tông xi măng: Mác 200, chiều dày tối thiểu là 16cm; chiều rộng mặt đường cấp A và B tối thiểu 3,0m (đối với nền đường 4m) và 3,5m (đối với nền đường 5m). Trường hợp địa hình khó khăn, mặt đường thiết kế nhỏ hơn phải báo cáo cấp có thẩm quyền chấp thuận trước khi triển khai.

- Mặt đường đá dăm láng nhựa: Lớp móng cấp phối dày tối thiểu là 12cm, lớp đá dăm láng nhựa dày 12cm trở lên, tiêu chuẩn nhựa 3kg/m².

b) Đường cấp C: Chiều rộng mặt đường bê tông xi măng tối thiểu 2,0m; chiều dày tối thiểu 10cm, móng cát đệm 5cm trở lên.

c) Công trình thoát nước ngang: Các công trình thoát nước có khẩu độ từ 1,0m trở xuống xây dựng bằng bê tông cốt thép theo hướng dẫn của Quyết định số 315/QĐ-BGTVT ngày 23/02/2011 của Bộ GTVT và qui trình, qui phạm thi công hiện hành. Những vị trí có lưu lượng nước lớn, phải làm tràn, cầu hoặc cống khẩu độ lớn hơn 1,0m, các huyện lập dự án đầu tư theo quy định.

d) Đối với các tuyến đường từ xã tới thôn bản, đường liên thôn: Trong giai đoạn đến 2015 ưu tiên bê tông hóa mặt đường đối với các tuyến có chiều rộng nền đường tối thiểu 4,0m.

3. Rải cấp phối móng mặt đường chống trơn lầy:

a) Mặt đường đủ độ bằng phẳng, để xe đi lại êm thuận và không bị đọng nước. Vật liệu làm mặt đường phải đủ độ cứng, chịu được tác dụng của nước và sự thay đổi nhiệt độ. Chiều dày mặt đường đã lu lèn tối thiểu là 15cm. Vật liệu hạt cứng rải móng mặt đường là sỏi sỏi, đá dăm, đá thải, đá tận dụng. Vật liệu đá phải đảm bảo cường độ, và các chỉ tiêu cơ lý khác theo quy định; thành phần hạt cứng chiếm 85% trong cấp phối; đất dính, cát chiếm 15%; đường kính hạt cứng lớn nhất trong cấp phối là 70mm. Nên tận dụng vật liệu địa phương sẵn có để làm mặt đường như sỏi sỏi, đá dăm, sỏi ong, cát sỏi, xỉ lò cao...

c) Đường từ xã tới các thôn, bản; đường nối liền các thôn, bản xây dựng theo quy mô đường cấp A hoặc cấp B, chiều rộng mặt đường tối thiểu 3,0m (đối với nền đường 4m) và 3,5m (đối với nền đường 5m).

d) Đường trục thôn, xóm, đường trục chính nội đồng xây dựng theo quy mô đường cấp B (chiều rộng mặt đường tối thiểu 2,5m) hoặc cấp C (chiều rộng

mặt đường tối thiểu 2,0m).

c) Đường ngõ xóm xây dựng theo quy mô đường cấp C: Chiều rộng mặt đường tối thiểu 2,0m; chiều dày móng mặt đường đã lu lèn tối thiểu là 10cm.

4. Tại các vị trí nút giao: Xử lý thoát nước rãnh dọc, bằng cách đặt cống ngang đường (nếu có). Các góc giao nhau cần được vuốt tròn với bán kính tối thiểu là 10 m (có bản vẽ chi tiết tại nút giao để nhân dân dễ thực hiện).

- Các tuyến đường cần bố trí đoạn mở rộng đường theo quy định, để xe ô tô ngược chiều có thể tránh nhau.

- Phần khối lượng mặt đường tăng, do xử lý tại các nút giao và đoạn mở rộng đường để ô tô tránh nhau, được tính bổ sung kinh phí hỗ trợ theo định mức.

Chương III

NGUỒN LỰC ĐẦU TƯ CHO XÂY DỰNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN

Điều 3. Nguồn lực đầu tư cho mở mới đường Giao thông nông thôn

1. Phần nhân dân thực hiện mở mới đường Giao thông nông thôn gồm:

a) Nhân dân tự bàn bạc hiến đất và giải phóng mặt bằng;

b) Thi công nền đường;

c) Tận dụng vật liệu khi thi công nền đường, để rải móng đường chống trơn lầy;

d) Xây dựng các công trình vượt suối tạm. Trường hợp phải làm tràn, cầu, Ủy ban nhân dân xã báo cáo Ủy ban nhân dân huyện lập dự án đầu tư theo kế hoạch hàng năm.

đ) Mua sắm dụng cụ, tổ chức huy động nguồn lực trong dân.

2. Ngân sách nhà nước hỗ trợ những phần việc mà nhân dân không làm được, theo hình thức khoán gọn cho mở mới đường Giao thông nông thôn:

a) Khảo sát thiết kế mở mới đường giao thông (trừ đường ngõ, xóm) theo hình thức đơn giản do phòng Kinh tế và Hạ tầng (phòng Quản lý đô thị) của huyện, thành phố phối hợp với Ban Quản lý xã thực hiện bao gồm:

- Thiết kế bản vẽ thi công đơn giản gồm: Bản vẽ bình đồ, trắc dọc, trắc ngang. Dùng các dụng cụ đơn giản để đo đạc. Bình đồ chỉ vẽ đường sườn tuyến, không vẽ đồng mức. Các vị trí công trình thoát nước phải đảm bảo phù hợp, là cơ sở để đầu tư giai đoạn II (nâng cấp rải mặt đường và xây dựng công trình thoát nước).

- Mức khoán gọn kinh phí hỗ trợ bình quân cho vật liệu, văn phòng phẩm của công tác khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công (kể cả công trình phải lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật) và quá trình phối hợp thực hiện quản lý xây dựng dự án đường cấp A, B (không kể đường ngõ, xóm): là **5 triệu đồng/km**, cho các công

việc sau:

+ Lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công, viết thuyết minh, lập dự toán (chỉ tính đến chi phí trực tiếp và thuế, phân rõ các loại nguồn vốn): 2,5 triệu đồng,

+ Hướng dẫn kỹ thuật thi công đường cấp A, B; hướng dẫn an toàn lao động, cháy nổ, vệ sinh môi trường; giám sát thi công; lập hồ sơ nghiệm thu, tài liệu hoàn công công trình: 2,5 triệu đồng.

b) Mức hỗ trợ khoán gọn bình quân để hoàn thành 1km đường giao thông nông thôn (trừ đường ngõ, xóm) được mở mới theo cấp đường tại khoản 1, Điều 2 của Quy định này là: **120 triệu đồng/km.**

Trường hợp tuyến đường giao thông nông thôn nâng cấp từ đường có sẵn với chiều rộng nền đường trung bình là 2m, thành đường có tiêu chuẩn cấp đường tại khoản 1, Điều 2 của Quy định này, thì mức hỗ trợ khoán gọn bình quân thi công hoàn thành mở mới 1km đường giao thông (không kể đường ngõ xóm) là **80 triệu đồng.**

c) Trường hợp tuyến đường có địa hình phức tạp, đông dân, việc thi công nổ mìn phá đá khó khăn, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố lập và phê duyệt riêng phần khối lượng nổ mìn phá đá được áp dụng chi phí theo đơn giá xây dựng cơ bản, nhưng chỉ tính đến trực tiếp phí, hoặc được tính hệ số 2 theo mức gọn bình quân nêu trên là 240 triệu đồng/km, thực hiện sau khi đã có ý kiến chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh.

d) Mở mới đường ngõ, xóm (đường loại C): Loại đường này chỉ cần xác định hướng tuyến cho phù hợp với điều kiện địa hình, nền đường ổn định, đảm bảo an toàn. Nhân dân tự huy động 100% nguồn lực, để xác định hướng tuyến và thi công hoàn thành tuyến đường.

Điều 4. Nguồn lực đầu tư bê tông hóa đường giao thông nông thôn

1. Ngân sách tỉnh hỗ trợ:

a) **Hỗ trợ 100% xi măng hoặc nhựa đường** (đối với đường cấp A, B) và vận chuyển đến địa điểm tập kết của tuyến đường (mà ô tô vào được) đã được cấp thẩm quyền phân bổ nguồn vốn hỗ trợ trong năm kế hoạch.

- Hỗ trợ xây dựng mặt đường bê tông xi măng cấp A có chiều rộng $B_m = 3m$, chiều dày 16cm: 163 tấn xi măng/km;

- Hỗ trợ xây dựng mặt đường bê tông xi măng cấp A có chiều rộng $B_m = 2,5m$, chiều dày 16cm: 136 tấn xi măng/km;

- Hỗ trợ xây dựng mặt đường bê tông xi măng cấp A có chiều rộng $B_m = 2,0m$, chiều dày 16cm: 109 tấn xi măng/km;

- Lượng xi măng hỗ trợ cho đường cấp B có chiều dày bê tông như cấp A, thì hỗ trợ xi măng như cấp A;

- Trường hợp tuyến đường trọng yếu của xã, cần tăng quy mô xây dựng về chiều rộng mặt đường, chiều dày bê tông, phải được Sở Giao thông vận tải và

các ngành có liên quan thống nhất, trình UBND tỉnh Quyết định. Lượng xi măng sẽ được hỗ trợ theo quy mô đã được phê duyệt.

b) Hỗ trợ 100% số lượng các loại ống cống, bản cống và vận chuyển đến địa điểm tập kết của tuyến đường (mà ô tô vào được) đã được xã, huyện đăng ký với tỉnh thực hiện thi công trong năm kế hoạch. Huyện, thành phố giao cho chủ đầu tư hoặc tổ chức giao cho một đơn vị chuyên thực hiện đúc ống cống, bản cống các loại và vận chuyển đến địa điểm tập kết.

c) Hỗ trợ phân nhân công:

- Hỗ trợ người dân thuộc xã vùng III, thôn vùng III thuộc xã vùng II trực tiếp lao động làm đường là: **30 triệu đồng/km;**

- Hỗ trợ người dân thuộc xã vùng II trực tiếp lao động làm đường là: **20 triệu đồng/km;**

- Hỗ trợ người dân thuộc xã vùng I trực tiếp lao động làm đường là: **10 triệu đồng/km;**

- Kinh phí hỗ trợ nhân công được tính: Mức hỗ trợ/km x chiều dài đường bê tông xi măng tính bằng km, được nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng đi qua địa phận thôn vùng III thuộc xã vùng II, xã vùng I, vùng II hoặc xã vùng III; (xã vùng I, xã vùng II và xã vùng III: đã được Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể trong Chương trình 135);

- Ủy ban nhân dân xã chỉ đạo Ban quản lý xã, Ban phát triển thôn trên cơ sở chăm công những người dân vùng I, II, III đi làm đầy đủ, lập phương án thanh toán tiền hỗ trợ cho người dân trực tiếp lao động làm đường kịp thời, công khai và đúng đối tượng, có sự giám sát của nhân dân. Trường hợp muốn sử dụng kinh phí hỗ trợ nhân công mua sắm dụng cụ, thiết bị máy và vật liệu khác phục vụ cho việc sửa chữa máy và thi công đường bê tông thì phải họp dân, có biên bản đồng ý và thống nhất của người dân.

d) Hỗ trợ lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, thiết kế: Phòng Kinh tế và Hạ tầng, phòng Quản lý đô thị của huyện, thành phố phối hợp Ban Quản lý xã, căn cứ tài liệu hoàn công nền đường và hiện trạng tuyến đường, khảo sát thiết kế tuyến đường được thực hiện đơn giản. Tiến hành đăng ký đường cũ, thiết kế bản vẽ thi công: đo vẽ bình đồ hướng tuyến, trắc dọc, trắc ngang, để thiết kế nâng cấp mặt đường và xây dựng công trình thoát nước. Riêng các vị trí đặt cống, phải khảo sát đo đạc, tính toán và thiết kế theo qui định hiện hành của nhà nước cho phù hợp và an toàn. Cho phép sử dụng thiết kế mẫu, thiết kế điển hình trong khâu thiết kế, lập dự toán, kèm biểu thống kê vật liệu và phân rõ các loại nguồn vốn, hỗ trợ kinh phí như sau:

- Đăng ký đường cũ, khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công mặt đường, lập dự toán, hướng dẫn kỹ thuật thi công, hướng dẫn an toàn lao động, cháy nổ, vệ sinh môi trường, giám sát thi công, hướng dẫn ghi nhật ký công trình và lập hồ sơ

nghiệm thu, tài liệu hoàn công công trình (kể cả công trình phải lập báo cáo kinh tế kỹ thuật): **2,5 triệu đồng /km;**

- Công trình thoát nước: Khảo sát đo đạc, thiết kế bản vẽ thi công công: **0,5 triệu đồng/công.** Hướng dẫn kỹ thuật thi công, giám sát thi công, hướng dẫn ghi nhật ký công trình, lập hồ sơ nghiệm thu, tài liệu hoàn công công trình: **0,6 triệu đồng /công;**

- Không tính kinh phí khảo sát thiết kế đối với những vị trí đặt ống thép $\phi 100\text{mm}-\phi 300\text{mm}$ để thoát nước ngang đường.

đ) Hỗ trợ vật liệu: Đối với các xã đặc biệt khó khăn theo Chương trình 135 giai đoạn 2 và Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2011-2015; các xã biên giới; các xã thuộc các huyện nghèo thuộc Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ (gồm cả các xã theo Quyết định số 293/QĐ-TTg ngày 5/02/2013 của Chính phủ): **Tính hỗ trợ 100% phần khối lượng:** Vật liệu móng đường, vật liệu làm đường bê tông xi măng: cát vàng, đá dăm hoặc sỏi 20x40 (mm) và vật liệu xây dựng công: thép, đá hộc, xi măng, cát xây và trát đến địa điểm tập kết mà xe ô tô vào được.

e) Các xã còn lại (trừ các xã theo mục đ) **tính hỗ trợ 50%** về vật liệu móng đường, vật liệu làm đường bê tông xi măng: cát vàng, đá dăm hoặc sỏi 20x40 (mm) và vật liệu xây dựng công: thép, đá hộc, xi măng, cát xây và trát đến địa điểm tập kết mà xe ô tô vào được.

g) Kinh phí hỗ trợ sẽ được cấp, trên cơ sở hồ sơ dự toán công trình được Ủy ban nhân dân cấp thẩm quyền phê duyệt; dự toán được tính đến trực tiếp phí và thuế (nếu có).

2. Ngân sách các huyện, thành phố hỗ trợ:

a) Thực hiện đối với công tác lu lèn móng đường của toàn bộ các tuyến đường (kể cả các tuyến đường được ngân sách tỉnh hỗ trợ 100% vật liệu);

b) Hỗ trợ **50% phần khối lượng còn lại** đối với các xã đã được tỉnh hỗ trợ 50% về vật liệu cấp phối móng đường, vật liệu làm đường bê tông xi măng: Cát vàng, đá dăm hoặc sỏi 20x40 (mm) và vật liệu xây công thoát nước: thép, đá hộc, xi măng, cát xây và trát.

c) Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trực tiếp chỉ đạo các phòng ban chuyên môn của huyện, thành phố, các chủ đầu tư là Ủy ban nhân dân các xã, các cơ quan, đoàn thể, các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân... bàn bạc để có biện pháp huy động nguồn lực kết hợp ngân sách của huyện để thực hiện.

3. Nhân dân thực hiện:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo Ban quản lý xã, Ban phát triển thôn lập kế hoạch chi tiết vận động, huy động nhân dân bàn bạc để tự giải phóng mặt bằng, tổ chức thực hiện triển khai thi công tuyến đường: Hoàn thiện nền đường, đào khuôn đường, thi công công trình thoát nước, thi công móng đường, thi

công mặt đường bê tông xi măng và các công việc phụ trợ xây dựng, hoàn thiện khác theo hướng dẫn của cán bộ kỹ thuật, đảm bảo chất lượng, tiến độ và hiệu quả vốn đầu tư.

b) Vận chuyển vật liệu được hỗ trợ (xi măng và vật liệu khác) từ địa điểm tập kết vào công trình (đoạn ô tô không vào được).

c) Khuyến khích các xã huy động các nguồn lực để có thể gia cố rãnh dọc thoát nước hai bên đường và xây dựng, hoàn thiện công trình phòng hộ như cọc tiêu, biển báo, tường phòng hộ, cây xanh... trên các tuyến đường.

4. Đối với mặt đường láng nhựa, được thực hiện hỗ trợ như làm mặt đường bê tông xi măng tại Điều 4 Quy định này. Khuyến khích các xã vùng thấp rải nhựa các tuyến đường giao thông liên thôn là đường thiết yếu của xã.

5. Đối với đường ngõ, xóm: Khuyến khích các Hộ gia đình, nhóm Hộ gia đình huy động nguồn lực, tự hoàn thiện quy mô xây dựng nền đường, tận dụng vật liệu địa phương để cứng hóa mặt đường (rải cấp phối, đá dăm, lát gạch, lát đá hoặc bê tông xi măng) theo tiêu chuẩn quy định.

- Đối với đường ngõ, xóm làm mặt đường bê tông xi măng (khi tính cân đối đủ nguồn vốn hỗ trợ). Tỉnh hỗ trợ 100% xi măng đối với đường ngõ xóm có từ 10 hộ gia đình trở lên, chiều rộng mặt đường tối thiểu $B_m=2,0m$, chiều dày mặt đường bê tông là 10cm, với bê tông xi măng mác 200 là: **68 tấn/km**. Phần khối lượng còn lại như nền đường, móng đường..., các hộ gia đình tự huy động nguồn lực hoặc tự nguyện đóng góp để thực hiện.

Điều 5. Rải cấp phối móng, mặt đường chống trơn lầy

1. Ngân sách tỉnh hỗ trợ:

a) Hỗ trợ lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, thiết kế:

Nội dung công việc và mức hỗ trợ kinh phí lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, thiết kế rải cấp phối móng, mặt đường chống trơn lầy được lấy giống như nội dung công việc và mức hỗ trợ kinh phí lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, thiết kế phần làm đường bê tông: Điểm d, khoản 1, Điều 4 tại Quyết định này.

b) Làm móng, mặt đường cấp phối chống trơn lầy:

- Mức khoán gọn bình quân để xây dựng móng, mặt đường rải cấp phối chống trơn lầy đối với các xã đặc biệt khó khăn theo Chương trình 135 giai đoạn 2 và Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2011-2015; các xã biên giới; các xã thuộc các huyện nghèo thuộc Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ (gồm cả các xã theo Quyết định số 293/QĐ-TTg ngày 5/02/2013 của Chính phủ):

+ Xây dựng mặt đường cấp A, cấp B, chiều rộng mặt đường $B_m=3m$ theo quy mô, tiêu chuẩn kỹ thuật tại khoản 3, Điều 2 Quyết định này: Mức khoán gọn bình quân là **180,0 triệu đồng/km** bao gồm các công việc: Sản xuất vật liệu, vận chuyển vật liệu và lu lèn mặt đường. Đường (không kể đường ngõ, xóm) có

chiều rộng mặt đường tối thiểu là 2,0m là: **120,0 triệu đồng/km** và 2,5m là: **150,0 triệu đồng/km**.

+ Trường hợp sử dụng vật liệu làm mặt đường với mỏ vật liệu là cấp phối tự nhiên, vật liệu hỗn hợp khác có chất lượng thấp hơn các loại cấp phối được quy định, nhưng vẫn bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật cho phép (như xỉ lò cao, gạch vỡ) thì mức hỗ trợ khoán gọn bình quân là **135,0 triệu đồng/km**. Đường có chiều rộng mặt đường tối thiểu là 2,0m (không kể đường ngõ, xóm) là: **90,0 triệu đồng/km** và 2,5m là: **110,0 triệu đồng/km**.

- Mức khoán gọn bình quân để xây dựng mặt đường rải cấp phối chống trơn lầy đối với các xã còn lại trên địa bàn tỉnh:

+ Xây dựng đường cấp A, cấp B, chiều rộng mặt đường $B_m=3m$ theo quy mô, tiêu chuẩn tại khoản 3, Điều 2 Quyết định này: Mức khoán gọn bình quân là **160,0 triệu đồng/km** bao gồm các công việc: Sản xuất vật liệu, vận chuyển vật liệu và lu lèn mặt đường. Đường có chiều rộng mặt đường tối thiểu là 2,0m (không kể đường ngõ, xóm) là: **105,0 triệu đồng/km** và 2,5m là: **130,0 triệu đồng/km**.

+ Trường hợp sử dụng vật liệu làm mặt đường với mỏ vật liệu là cấp phối tự nhiên, vật liệu hỗn hợp khác có chất lượng thấp hơn các loại cấp phối được quy định, nhưng vẫn bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật cho phép (Như xỉ lò cao, gạch vỡ) thì mức hỗ trợ khoán gọn bình quân là **120,0 triệu đồng/km**. Trường hợp đường có chiều rộng mặt đường tối thiểu là 2,0m (không kể đường ngõ, xóm) là: **80,0 triệu đồng/km** và 2,5m là: **100,0 triệu đồng/km**.

c) Mức khoán gọn bình quân để xây dựng, hoàn thiện công trình thoát nước được phê duyệt:

- 24 triệu đồng/1 cống thoát nước ngang $\phi 100cm$;
- 18 triệu đồng/1 cống thoát nước ngang $\phi 75cm$;
- 17 triệu đồng/1 cống bản $75 \times 75cm$;
- 12 triệu đồng/1 cống bản $50 \times 50cm$.
- Trường hợp đặt ống thép $\phi 150mm$, dày 3mm trở lên, đặt ở chiều sâu so với mặt đường tối thiểu là 30cm: 0,5 triệu đồng/m dài ống.

2. Phần khối lượng nhân dân thực hiện

a) Đối với công trình rải cấp phối móng, mặt đường chống trơn lầy:

- Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo Ban quản lý xã, Ban phát triển thôn lập kế hoạch chi tiết vận động, huy động nhân dân bàn bạc để tự giải phóng mặt bằng, tổ chức thực hiện triển khai thi công tuyến đường: Đào sửa nền đường, đào khuôn đường, làm rãnh xương cá, xếp đá vữa, đào sửa rãnh dọc, đắp phụ lề đường, thi công mặt đường, công trình thoát nước, các công việc phụ trợ xây dựng và hoàn thiện khác theo hướng dẫn của cán bộ kỹ thuật, đảm bảo chất lượng, tiến độ và hiệu quả vốn đầu tư.

- Ban quản lý xã vận động thống nhất với nhân dân để mọi người hưởng

ứng tự nguyện tham gia đóng góp nguyên vật liệu, ngày công, huy động nguồn lực để kiên cố hóa đường Giao thông nông thôn, xây dựng công trình thoát nước. Ủy ban nhân dân xã căn cứ vào loại vật liệu rải mặt đường, cự ly vận chuyển vật liệu, mức độ khó khăn của từng tuyến đường để họp bàn với dân, chủ động điều chỉnh, khoán gọn kinh phí từng đoạn đường, tuyến đường trong phạm vi vốn được phân bổ cho phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi để tất cả các tuyến đường trong năm kế hoạch cùng có khả năng triển khai thi công và hoàn thành đảm bảo chất lượng, tiến độ

b) Đối với đường ngõ, xóm:

Các hộ gia đình, nhóm hộ gia đình bàn bạc, tự huy động nguồn lực hoàn thiện quy mô xây dựng nền đường, tận dụng vật liệu địa phương để rải cấp phối, đá dăm, lát gạch, lát đá theo tiêu chuẩn quy định.

Chương IV **THỰC HIỆN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐƯỜNG** **GIAO THÔNG NÔNG THÔN**

Điều 6. Đăng ký xây dựng đường Giao thông nông thôn

1. Các xã, các thôn bản căn cứ quy hoạch, kế hoạch xây dựng hàng năm; căn cứ tình hình thực tế mạng lưới đường trong xã, trong thôn mình để lựa chọn đăng ký xây dựng các tuyến đường. Ưu tiên trước các tuyến đường đi qua nhiều thôn bản, các vùng đông dân cư, các tuyến đường thiết yếu cho việc vận chuyển hàng hóa, phát triển kinh tế - xã hội, góp phần đặc lực cho xoá đói, giảm nghèo.

2. Danh mục tuyến đường và kế hoạch dự kiến huy động nguồn lực cho mở mới, kiên cố hóa đường Giao thông nông thôn của các xã được Ủy ban nhân dân huyện, thành phố (phòng Kinh tế và Hạ tầng, phòng Quản lý đô thị tổng hợp) xem xét, gửi Sở Giao thông vận tải (tổng hợp), Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài Chính phối hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục công trình được hỗ trợ đầu tư vào tháng chín hàng năm, trước năm kế hoạch.

3. Các nhóm Hộ gia đình (cử người đại diện) đăng ký làm đường ngõ, xóm bằng mặt đường bê tông xi măng cho Ban phát triển thôn. Ban Quản lý xã, phối hợp Ban phát triển thôn kiểm tra thực tế đường ngõ, xóm của nhóm Hộ gia đình đã đăng ký để tổng hợp xây dựng đường ngõ, xóm cùng đợt đăng ký xây dựng đường giao thông nông thôn của xã, báo cáo Ủy ban nhân dân huyện xem xét, gửi Sở Giao thông vận tải (tổng hợp) và các ngành liên quan, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục công trình được hỗ trợ đầu tư.

a) Trên cơ sở danh mục các tuyến đường ngõ, xóm được tỉnh phê duyệt, Ban phát triển thôn đăng ký hỗ trợ xi măng, để Ban Quản lý xã tổng hợp báo cáo

huyện và hợp đồng cung ứng xi măng. Ban Quản lý xã là đầu mối để phân bổ xi măng đã được đăng ký cho các Ban phát triển thôn. Ban phát triển thôn phân bổ tiếp cho các nhóm Hộ gia đình, để triển khai thi công đường ngõ, xóm.

b) Điều kiện để các nhóm Hộ gia đình đăng ký hỗ trợ xi măng: Đường ngõ, xóm phải có từ 10 Hộ gia đình trở lên, đã đảm bảo quy mô tiêu chuẩn và chất lượng về nền đường, móng đường tại Điều 2 của Quy định này; Cam kết thực hiện thi công mặt đường bê tông xi măng đảm bảo số lượng, chất lượng, kỹ thuật đã được hướng dẫn.

Điều 7. Lập, thẩm định, phê duyệt Báo cáo KTKT công trình

1. Lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình:

a) Phòng Hạ tầng và Kinh tế, Quản lý đô thị huyện, thành phố phối hợp với chủ đầu tư lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình và chịu trách nhiệm về thiết kế bản vẽ thi công công trình. Nội dung Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình bao gồm: Tên công trình, mục tiêu đầu tư, địa điểm xây dựng, quy mô kỹ thuật công trình, thời gian thi công, thời gian hoàn thành, nguồn vốn đầu tư và cơ chế huy động nguồn lực kèm theo thiết kế, bản vẽ thi công và dự toán.

b) Chủ đầu tư lấy ý kiến tham gia của cộng đồng dân cư về Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình giao thông. Ý kiến tham gia của cộng đồng dân cư phải được tổng hợp ghi thành biên bản, là tài liệu bắt buộc có trong hồ sơ thẩm định và trình phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật.

2. Thẩm định, phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình:

a) Hồ sơ trình thẩm định và phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật:

- Tờ trình xin phê duyệt dự án của Ban quản lý xã gồm các nội dung: Tên dự án, chủ đầu tư, mục tiêu đầu tư, quy mô và địa điểm xây dựng, tổng mức đầu tư, nguồn vốn đầu tư, phương án huy động vốn đầu tư, thời gian khởi công và hoàn thành, các nội dung khác (nếu thấy cần giải trình);

- Báo cáo kinh tế kỹ thuật, thiết kế, bản vẽ thi công và dự toán.

b) Thẩm định, phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình:

- Dự án do Ủy ban nhân dân huyện quyết định đầu tư: Phòng Kế hoạch - Tài chính (hoặc tổ thẩm định) các huyện, thành phố thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình để trình UBND huyện, thành phố phê duyệt. Thời gian thẩm định không quá 10 ngày (kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ)

- Dự án do Ủy ban nhân dân xã quyết định đầu tư: UBND xã tổ chức thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật, các cơ quan chuyên môn của huyện có trách nhiệm hỗ trợ UBND xã trong quá trình thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật. Thời gian thẩm định không quá 07 ngày (kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ).

- Nội dung thẩm định bao gồm:

+ Xem xét các yếu tố đảm bảo tính hiệu quả bao gồm: sự cần thiết đầu tư, quy mô, thời gian thực hiện, hiệu quả kinh tế - xã hội;

+ Xem xét đảm bảo tính khả thi bao gồm: Nhu cầu sử dụng đất, dự toán

và khả năng huy động nguồn lực.

c) Ủy ban nhân dân huyện, thành phố là cấp quyết định đầu tư, phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình giao thông nông thôn. Trường hợp những xã đủ năng lực quyết định đầu tư, thẩm định và phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thì huyện, thành phố hướng dẫn các xã triển khai thực hiện theo quy định với các công trình được ngân sách nhà nước hỗ trợ đến 03 tỷ đồng trong tổng giá trị của công trình.

Điều 8. Lựa chọn và phê duyệt kết quả lựa chọn đơn vị thi công

1. Các hình thức lựa chọn:

a) Giao cho cộng đồng dân cư thôn bản (những người hưởng lợi trực tiếp từ chương trình) tự thực hiện xây dựng;

b) Lựa chọn nhóm thợ, cá nhân trong xã có đủ năng lực để xây dựng;

c) Trong trường hợp cộng đồng dân cư thôn bản, hoặc nhóm thợ cá nhân, do không có khả năng thực hiện toàn bộ khối lượng công việc được giao, chủ đầu tư kêu gọi các tổ chức, cá nhân, Doanh nghiệp tự nguyện tài trợ, giúp đỡ trong thi công công trình. Chủ đầu tư sẽ ký hợp đồng với các đơn vị hỗ trợ, tiếp tục phối hợp với cộng đồng dân cư thôn bản, hoặc nhóm thợ, cá nhân thực hiện khối lượng phần việc còn lại;

d) Lựa chọn nhà thầu thông qua hình thức đấu thầu theo quy định.

Khuyến khích thực hiện hình thức giao cộng đồng dân cư thôn bản (những người hưởng lợi trực tiếp từ chương trình) tự thực hiện xây dựng.

2. Cách thức lựa chọn nhà thầu (hoặc đơn vị thi công): Theo quy định tại điểm b, khoản 8, Điều 10 tại thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13/04/2011 của Bộ Nông nghiệp & PTNT - Bộ Kế hoạch & Đầu tư - Bộ Tài chính về Hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020.

3. Phê duyệt kết quả lựa chọn đơn vị thi công: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã phê duyệt kết quả lựa chọn đơn vị thi công các tuyến đường trên cơ sở đề nghị của Ban Quản lý xã.

Điều 9. Huy động và quản lý sử dụng vốn đầu tư

1. Việc quản lý các nguồn vốn được thực hiện theo Điều 16, quy định tại thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13 /04 /2011 của Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch & Đầu tư - Bộ Tài chính và các quy định, hướng dẫn của tỉnh có liên quan.

2. Giao Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn là chủ đầu tư việc mở mới, kiên cố hóa (Làm mặt đường cấp phối, đá dăm, mặt đường bê tông, đường nhựa, đường lát gạch, đá ...) đường giao thông nông thôn. Ủy ban nhân dân các

xã, phường, thị trấn chủ động lập kế hoạch quản lý, huy động các nguồn lực để tổ chức, triển khai thực hiện; có quyền tự chủ trong chi tiêu để mở mới, kiên cố hóa các tuyến đường đảm bảo chất lượng, tiến độ, nhưng không được để thất thoát và sử dụng sai mục đích.

3. Ban quản lý xã vận động, thống nhất với nhân dân để mọi người hưởng ứng tự nguyện tham gia đóng góp trong việc hiến đất, giải phóng mặt bằng; vận động nhân dân tích cực tham gia đóng góp nguyên vật liệu, ngày công, huy động nguồn lực để mở mới, kiên cố hóa đường Giao thông nông thôn, xây dựng công trình thoát nước.

4. Khuyến khích các tổ chức, đoàn thể, đơn vị, cá nhân, hộ gia đình, doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia tích cực đóng góp trong việc tạo điều kiện đầu tư, hỗ trợ nhân dân các thôn bản hoàn thành chương trình phát triển đường Giao thông nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới.

Điều 10. Quản lý chất lượng, nghiệm thu, bàn giao công trình hoàn thành

1. Phòng Kinh tế và Hạ tầng (Phòng Quản lý đô thị) các huyện, thành phố hướng dẫn cụ thể về quản lý kỹ thuật, chất lượng công trình trong triển khai thực hiện xây dựng tuyến đường giao thông nông thôn; phối hợp với Ban Quản lý xã phân công cụ thể cán bộ kỹ thuật phụ trách quản lý chất lượng và tiến độ từng tuyến đường (kể cả đường ngõ, xóm). Ủy ban nhân dân xã chỉ đạo thực hiện giám sát cộng đồng theo quy định.

2. Các bước và thành phần nghiệm thu:

a) Nghiệm thu chuyên bước thi công;
b) Nghiệm thu hạng mục công trình hoàn thành;
c) Nghiệm thu bàn giao công trình hoàn thành đưa vào sử dụng, quản lý, khai thác và bảo dưỡng thường xuyên.

d) Thành phần nghiệm thu chủ yếu gồm: Ban Quản lý xã, Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Phòng Quản lý đô thị các huyện, thành phố; cán bộ chịu trách nhiệm khảo sát thiết kế, hướng dẫn kỹ thuật, giám sát thi công; Giám sát cộng đồng của xã; Trưởng thôn bản nhận bàn giao quản lý, khai thác và bảo dưỡng đường.

đ) Thành phần nghiệm thu đối với đường ngõ, xóm: Ban Quản lý xã, Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Phòng Quản lý đô thị huyện, thành phố; Giám sát cộng đồng của xã; Trưởng thôn, bản và đại diện nhóm Hộ gia đình nhận bàn giao quản lý, khai thác và bảo dưỡng.

3. Nội dung nghiệm thu bàn giao công trình:

a) Mở mới đường giao thông:
- Căn cứ thực tế công trình hoàn thành và các tài liệu trong hồ sơ hoàn công công trình để tiến hành: nghiệm thu tuyến đường theo hồ sơ thiết kế được duyệt; đảm bảo nền đường ổn định, đủ kích thước hình học: Độ dốc dọc, chiều

dài tuyến đường, chiều rộng nền đường, mặt đường, kích thước rãnh dọc thoát nước, mái dốc ta luy và các chỉ tiêu kỹ thuật khác của tuyến đường.

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành và bàn giao công trình đưa vào sử dụng.

b) Nâng cấp mặt đường bằng bê tông xi măng và cấp phối:

Căn cứ thực tế công trình hoàn thành và các tài liệu trong hồ sơ hoàn công công trình để tiến hành:

- Nghiệm thu chiều dài tuyến đường hoàn thành theo thực tế và lượng xi măng, vật liệu được hỗ trợ theo chiều dài tuyến đường hoàn thành.

- Nghiệm thu chất lượng công trình: Xem xét quá trình nghiệm thu chất lượng vật liệu, chất lượng lu lèn mặt đường cấp phối, chất lượng móng đường và mặt đường bê tông xi măng; nghiệm thu chiều dày, chiều rộng, độ dốc ngang, khe co giãn, siêu cao mặt đường, lề đường... theo thiết kế.

- Nghiệm thu công trình thoát nước: Nghiệm thu công tác khảo sát, thiết kế, nghiệm thu hồ sơ các đợt chuyển bước thi công: Xác định vị trí cống, cao trình móng cống, mác bê tông, mác vữa, vật liệu xây dựng cống, móng cống, cốt thép cống, bê tông ống cống, lắp đặt cống, lấp đất trên cống. Xây dựng tường đầu, tường cánh cống, sân cống, móng hạ lưu chống sủi và nghiệm thu các công việc hoàn thiện khác, đảm bảo chất lượng theo hồ sơ thiết kế.

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành và bàn giao công trình đưa vào sử dụng.

c) Sau khi nghiệm thu, Chủ đầu tư phải bàn giao công trình và bàn giao toàn bộ hồ sơ, tài liệu có liên quan đến công trình cho ủy ban nhân dân xã lưu giữ, và xã giao công trình cho thôn bản, đơn vị, cá nhân có trách nhiệm quản lý khai thác, bảo trì.

d) Đối với đường ngõ, xóm:

Căn cứ thực tế công trình hoàn thành đường ngõ, xóm của các nhóm Hộ gia đình, để tiến hành:

- Nghiệm thu chiều dài tuyến đường hoàn thành theo thực tế và lượng xi măng được hỗ trợ theo chiều dài tuyến đường hoàn thành.

- Nghiệm thu chất lượng công trình: chất lượng móng đường, xem xét quá trình nghiệm thu chất lượng vật liệu và mặt đường bê tông xi măng, chiều dày, chiều rộng, độ dốc ngang mặt đường, rãnh thoát nước, lề đường theo quy định.

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành và bàn giao công trình cho đại diện nhóm Hộ gia đình đưa vào sử dụng. Ban Quản lý xã giữ 2 Biên bản nghiệm thu hoàn thành và các tài liệu có liên quan, để làm cơ sở thanh quyết toán phần hỗ trợ xi măng của tỉnh.

Điều 11. Thanh quyết toán vốn đầu tư công trình

1. Sau khi công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng, chủ đầu tư (UBND cấp xã) chịu trách nhiệm lập ngay hồ sơ báo cáo quyết toán vốn đầu tư,

gửi về phòng Kế hoạch - Tài chính các huyện, thành phố thẩm tra, trình phê duyệt vốn quyết toán đầu tư theo quy định.

2. Giao Sở Tài chính chủ trì phối hợp Kho bạc nhà nước tỉnh, các sở, ngành có liên quan hướng dẫn tạm ứng, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư theo quy định.

Chương V

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ

Điều 12. Sở Giao thông vận tải

Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở xây dựng, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Sở, Ngành của tỉnh có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức hướng dẫn triển khai thực hiện chương trình phát triển giao thông nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới; Phối hợp để thực hiện đào tạo, hướng dẫn cụ thể về qui mô, tiêu chuẩn kỹ thuật xây dựng đường Giao thông nông thôn; Kiểm tra, tổng hợp báo cáo theo định kỳ.

Điều 13. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các sở, ngành có liên quan

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính phối hợp với Sở Giao thông vận tải, các sở, ngành liên quan bố trí nguồn vốn và hướng dẫn cụ thể các nội dung liên quan tới chuyên ngành; kiểm tra và báo cáo theo định kỳ.

2. Sở Xây dựng, Sở Tài Nguyên & Môi trường, các sở, ngành có liên quan, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp Sở Giao thông vận tải hướng dẫn cụ thể các nội dung liên quan tới chuyên ngành, để nhân dân trong quá trình triển khai thực hiện được thuận lợi, công trình đảm bảo chất lượng, tiến độ. Kiểm tra, đôn đốc triển khai thực hiện chương trình phát triển đường giao thông nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới báo cáo theo định kỳ.

Điều 14. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

1. Trực tiếp chỉ đạo và có phương án, kế hoạch cụ thể trong việc hỗ trợ kịp thời, đầy đủ vật liệu chủ yếu cho các công trình. Huy động tối đa vật liệu sẵn có.

2. Chỉ đạo các đơn vị, phòng ban chuyên môn của huyện tạo điều kiện và phối hợp Ủy ban nhân dân các xã, thôn bản triển khai mạnh mẽ phong trào thi đua xây dựng đường Giao thông nông thôn trên địa bàn, đảm bảo chất lượng, tiến độ và hiệu quả vốn đầu tư.

3. Phòng Kinh tế và Hạ tầng (phòng Quản lý đô thị) các huyện, thành phố phối hợp với Ban Quản lý xã xác định vị trí mở vật liệu tập trung, vật liệu tận dụng trên tuyến đường để có kế hoạch khai thác. Hướng dẫn thi công, giám sát kỹ thuật, đôn đốc, kiểm tra các xã thực hiện chương trình xây dựng đường Giao

thông nông thôn trong năm kế hoạch. Tổ chức tập huấn cho cán bộ xã, thôn bản và bà con nhân dân tại hiện trường (kể cả các Hộ gia đình thực hiện thi công đường ngõ, xóm) để việc thực hiện thi công đảm bảo chất lượng, tiến độ, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ và vệ sinh môi trường. Hướng dẫn các xã, thôn bản xây dựng quy chế, kế hoạch cụ thể trong việc quản lý khai thác và bảo trì sau đầu tư; có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo định kỳ theo qui định.

Điều 15. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các xã, Ban Quản lý xã, Ban Phát triển thôn

1. Ủy ban nhân dân các xã chỉ đạo Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã (gọi tắt là Ban Quản lý xã) phối hợp phòng Kinh tế và Hạ tầng (phòng Quản lý đô thị) các huyện, thành phố tổ chức triển khai thực hiện xây dựng đường giao thông nông thôn. Ban Quản lý xã phân công cụ thể cho từng thành viên, tổ, nhóm thực hiện từ bước lập kế hoạch, tổ chức huy động các nguồn lực và nhân dân các thôn bản tham gia xây dựng đường bằng công lao động, tiền mặt, vật liệu máy móc, thiết bị, hiến đất... (nếu đóng góp bằng tiền thì cần được cộng đồng bàn bạc quyết định, Hội đồng nhân dân xã thông qua). Thực hiện nghiệm thu và bàn giao công trình hoàn thành đảm bảo chất lượng, tiến độ. Thanh, quyết toán công trình theo quy định. Tuyên truyền, phổ biến và vận động nhân dân tự nguyện giải phóng mặt bằng, tham gia đóng góp kinh phí, nguyên vật liệu và ngày công để xây dựng đường giao thông nông thôn. Thực hiện quy chế giám sát cộng đồng theo hướng dẫn của Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam. Hướng dẫn Ban phát triển thôn công khai chi tiết việc thanh, quyết toán kinh phí, vật liệu hỗ trợ của nhà nước, nguồn lực huy động,... để nhân dân được biết. Xây dựng quy chế, lập kế hoạch chi tiết trong việc quản lý khai thác, quản lý xe quá tải và bảo dưỡng thường xuyên tuyến đường sau đầu tư. Có trách nhiệm báo cáo định kỳ theo qui định.

2. Ban phát triển thôn họp dân để cùng nhau xác định tầm quan trọng và lợi ích của con đường cũng như trách nhiệm là chủ thể xây dựng và trực tiếp quản lý khai thác, bảo dưỡng đường giao thông nông thôn của mọi người trong thôn, bản; Thông báo kế hoạch hỗ trợ vốn, vật liệu cho từng tuyến đường, bàn bạc với nhân dân tự nguyện giải phóng mặt bằng, tham gia đóng góp và huy động các nguồn lực khác, thống nhất thời gian thực hiện, chuẩn bị dụng cụ, nguyên vật liệu, thi công hoàn thành con đường đảm bảo chất lượng, an toàn lao động; thực hiện theo hướng dẫn của Ủy ban nhân dân xã công khai việc thanh quyết toán chi tiết kinh phí, vật liệu hỗ trợ của nhà nước, nguồn lực huy động, để nhân dân được biết tham gia và giám sát.

Chương VI KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 16. Khen thưởng

Tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào xây dựng đường Giao thông nông thôn được khen thưởng cụ thể như sau:

1. Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Đối với cấp huyện, thành phố: Là đơn vị tiêu biểu xuất sắc nhất, hoàn thành chương trình kiên cố hóa đường Giao thông nông thôn với số km bình quân theo số xã là cao nhất, đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng và an toàn lao động, vệ sinh môi trường.

b) Đối với cấp xã: Là xã hoàn thành chương trình kiên cố hóa đường giao thông nông thôn với số km cao nhất, đạt và vượt trên 25% chỉ tiêu kế hoạch được giao về xây dựng đường giao thông nông thôn, đảm bảo kỹ thuật, chất lượng, an toàn lao động và vệ sinh môi trường; hoặc kết thúc năm kế hoạch, một xã, hội đủ tiêu chuẩn là tiêu biểu xuất sắc nhất trong phong trào xây dựng đường Giao thông nông thôn: Bình quân 1 nhân khẩu trong xã mở mới được trên 2m đường có chiều rộng nền 4,0m, hoặc trên 6m đường có chiều rộng nền 2,5m trong một năm, hoặc kiên cố hóa (Bê tông đạt: 2,5m hoặc rải cấp phối: đạt 4,0m) đường Giao thông nông thôn cấp A hoặc B /khẩu/năm. Đường ngõ xóm sạch và không lầy lội về mùa mưa; triển khai hoàn thành kiên cố hóa đường ngõ, xóm trong năm kế hoạch.

2. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Tặng cho huyện hoàn thành chương trình kiên cố hóa đường Giao thông nông thôn với số km bình quân theo số xã cao thứ hai, thứ ba toàn tỉnh.

b) Tặng một xã dẫn đầu của mỗi huyện, thành phố hoàn thành chương trình kiên cố hóa đường GTNT với số km cao nhất huyện, thành phố.

c) Tặng cho cơ sở Đoàn thanh niên đạt tiêu chuẩn sau:

+ Tặng cho một tổ chức Đoàn thanh niên xã dẫn đầu mỗi huyện, thành phố huy động nhiều ngày công nhất của đoàn viên, thanh niên tham gia kiên cố hóa đường giao thông với việc hoàn thành số km đường nhiều nhất, đảm bảo chất lượng, tiến độ và an toàn lao động.

+ Tặng cho một tổ chức Đoàn trực thuộc Tỉnh đoàn, huy động nhiều ngày công nhất của đoàn viên, thanh niên tham gia kiên cố hóa đường giao thông với việc hoàn thành số km đường nhiều nhất, đảm bảo chất lượng, tiến độ và an toàn lao động.

d) Khen thưởng cho tập thể, doanh nghiệp, hộ gia đình và cá nhân tham gia đóng góp, ủng hộ xây dựng đường Giao thông nông thôn được thực hiện theo điểm đ, khoản 3, Điều 5 bản Quy định về phong trào thi đua “Chung sức xây dựng nông thôn mới” trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2011-2015 ban hành kèm theo Quyết định số 30/2011/QĐ-UBND ngày 14/10/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai.

Điều 17. Xử lý vi phạm

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân do thiếu trách nhiệm hoặc thực hiện trái với quy định, làm thất thoát, lãng phí nguồn lực đầu tư, gây tổn hại đến công trình, thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị kỷ luật, xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

2. Nhiệm vụ xây dựng đường giao thông nông thôn là một trong các tiêu chí nhằm đánh giá mức độ hoàn thành xây dựng nông thôn mới và là một trong những tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành kế hoạch. Nếu huyện, xã nào không hoàn thành chỉ tiêu xây dựng đường Giao thông nông thôn, thì công không đảm bảo chất lượng thì huyện, xã đó được đánh giá là không hoàn thành nhiệm vụ chính trị của mình.

Chương VII TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

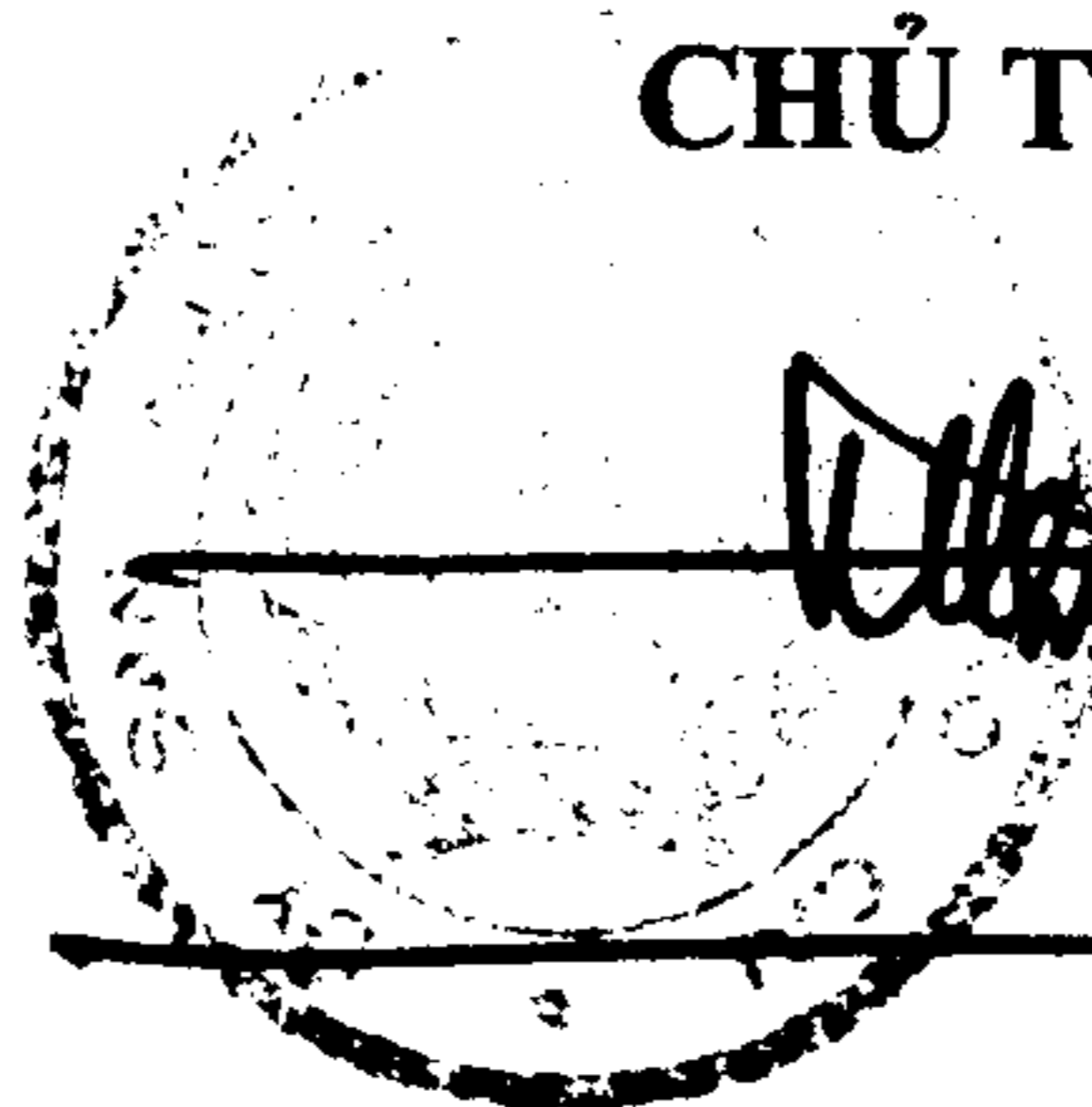
Điều 18. Tổ chức phối hợp triển khai thực hiện

1. Sở Giao thông vận tải phối hợp các Sở, Ngành của tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tuyên truyền phổ biến sâu rộng nội dung Quy định đến nhân dân các xã trên địa bàn toàn tỉnh; Động viên, khuyến khích các tổ chức, Doanh nghiệp, cá nhân, Hộ gia đình tích cực tham gia đóng góp hỗ trợ phát triển đường Giao thông nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới theo tiêu chí của Chính phủ.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Giao thông vận tải, để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo giải quyết. /

[Handwritten signature]

**T/M ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Vịnh